

Số: 3109/QĐ-ĐHK

Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc ban hành đề cương học phần**  
**Quản trị danh mục đầu tư (03 tín chỉ) - Mã học phần: FIB6059**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ**

Căn cứ Quyết định số 290/QĐ-TTg ngày 06/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 3568/QĐ-ĐHQGHN, ngày 08/10/2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về Tổ chức và hoạt động của các đơn vị thành viên và đơn vị trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Nghị Quyết số 15/NQ-HĐTĐHK ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng Trường Đại học Kinh tế về việc ban hành Quy chế tạm thời về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 3636/QĐ-ĐHQGHN ngày 21/10/2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy chế Đào tạo thạc sĩ của Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Hướng dẫn số 775/ĐT ngày 11/08/2006 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc xây dựng đề cương môn học phù hợp với phương thức đào tạo theo tín chỉ;

Căn cứ Công văn số 2543/ĐHQGHN-ĐT ngày 26/7/2013 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc xây dựng đề cương môn học;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo và Trưởng Khoa Tài chính - Ngân hàng,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành đề cương học phần **Quản trị danh mục đầu tư, 03 tín chỉ, mã học phần: FIB6059**, bậc đào tạo thạc sĩ, do TS. Nguyễn Thị Nhung biên soạn (đề cương kèm theo Quyết định này).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng các phòng chức năng có liên quan, Trưởng Khoa Tài chính - Ngân hàng, Lãnh đạo các Khoa/Viện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như điều 2;
- Lưu: VT, N2.

**HIỆU TRƯỞNG**  
  
  
**Lê Trung Thành**



**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**QUẢN TRỊ DANH MỤC ĐẦU TƯ**

**Bậc đào tạo: Thạc sĩ**

*(Ban hành theo Quyết định số 3109 /QĐ-ĐHKT ngày 30 tháng 8 năm 2023)*

**1. THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN**

**1.1. Nguyễn Thị Nhung**

- Chức danh, học hàm, học vị : Tiến sỹ, giảng viên
- Cơ quan công tác : Khoa Tài chính- Ngân hàng, phòng 512 nhà E4, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà nội
- Điện thoại : 0962 896 668
- Các hướng nghiên cứu chính : Công cụ có thu nhập cố định, Công cụ phái sinh, Quản lý danh mục đầu tư, Quản trị rủi ro

**1.2. Vũ Thị Loan**

- Chức danh, học hàm, học vị : Tiến sỹ, giảng viên
- Cơ quan công tác : Khoa Tài chính- Ngân hàng, phòng 512 nhà E4, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà nội
- Điện thoại : 0974 943 069
- Các hướng nghiên cứu chính : Machine learning trong dự báo khó khăn tài chính, tài chính hành vi, đầu tư tài chính

**1.3. Lê Trung Thành**

- Chức danh, học hàm, học vị : Phó giáo sư, Tiến sỹ, giảng viên
- Cơ quan công tác : Khoa Tài chính- Ngân hàng, phòng 512 nhà E4, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà nội
- Điện thoại : 0913590678
- Hướng nghiên cứu chính : Quản lý tài chính, lập kế hoạch chiến lược, quản lý ngân sách địa phương, đầu tư tài chính, quản lý rủi ro.

**1.4. Tô Lan Phương**

- Chức danh, học hàm, học vị : Tiến sỹ, giảng viên
- Cơ quan công tác : Khoa Tài chính- Ngân hàng, phòng 512 nhà E4, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà nội
- Điện thoại : 0919471896
- Các hướng nghiên cứu chính : Quản trị dòng tiền/quản trị TCDN, phân tích và xếp hạng tín dụng doanh nghiệp, định giá doanh nghiệp, tài chính xanh/tài chính tuần hoàn/tài chính hành vi.



## 2. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần : QUẢN TRỊ DANH MỤC ĐẦU TƯ
- Mã học phần : FIB6059
- Học phần : Thạc sĩ
- Số tín chỉ : 3
- Các học phần tiên quyết : Không
- Học phần bắt buộc
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Tài chính, Phòng 712, nhà E4, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội

## 3. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN

### 3.1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

Trình độ đạt được của học viên	Trình độ tương ứng theo thang bậc nhận thức của Bloom	Các động từ chính để nhận ra năng lực hay trình độ đạt được của sinh viên sau khóa học	Chuẩn đầu ra học phần (Mỗi nội dung là 1 CLO)
Mức 1 (Có khả năng tái hiện)	Mức 1 (Nhớ)	Nhớ được các khái niệm cơ bản về quản trị danh mục đầu tư, các lý thuyết hiện đại về danh mục đầu tư, <b>nhận biết</b> được các phương pháp định giá cổ phiếu và trái phiếu, các phương pháp quản trị danh mục đầu tư và các thước đo đánh giá kết quả danh mục đầu tư.	CLO1
Mức 2 (Có khả năng tái tạo)	Mức 2 & 3 (Hiểu và áp dụng)	<b>Phân loại</b> được các lý thuyết hiện đại về danh mục đầu tư, <b>hiểu</b> các các phương pháp định giá cổ phiếu và trái phiếu, các phương pháp quản trị danh mục đầu tư và các thước đo đánh giá kết quả danh mục đầu tư. Từ đó, học viên có thể <b>áp dụng</b> để xử lý các tình huống cụ thể liên quan tới xây dựng và đánh giá kết quả danh mục đầu tư.	CLO2
Mức 3 (Có khả năng lập luận)	Mức 4 & 5 (Lập luận-Phân tích và đánh giá)	<b>Phân tích</b> ưu điểm và hạn chế của các phương pháp quản trị danh mục đầu tư và các thước đo đánh giá kết quả danh mục đầu tư. Từ đó, học viên có <b>khả</b>	CLO3



Trình độ đạt được của học viên	Trình độ tương ứng theo thang bậc nhận thức của Bloom	Các động từ chính để nhận ra năng lực hay trình độ đạt được của sinh viên sau khóa học	Chuẩn đầu ra học phần (Mỗi nội dung là 1 CLO)
		năng lựa chọn phương pháp quản trị danh mục đầu tư và các thước đo đánh giá kết quả danh mục đầu tư phù hợp.	
Mức 4 (Có khả năng sáng tạo)	Mức 6 (Sáng tạo)	Đề xuất danh mục đầu tư hiệu quả.	CLO4

### 3.2. Kỹ năng

Chuẩn đầu ra của học phần	Nội dung chi tiết
CLO5	- Các kỹ năng cá nhân: Học viên có khả năng làm việc độc lập, tư duy phân biện; có kỹ năng quản lý thời gian; định hướng mục tiêu phát triển của bản thân.
CLO6	- Kỹ năng làm việc nhóm: Học viên có kỹ năng làm việc, hợp tác và phối hợp trong các nhóm khác nhau.
CLO7	- Kỹ năng giao tiếp: Học viên có khả năng trình bày và viết các vấn đề liên quan công cụ phái sinh nói riêng, và ngành Tài chính ngân hàng nói chung.

### 3.3. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

Bao gồm: Phẩm chất đạo đức cá nhân, nghề nghiệp, xã hội

Chuẩn đầu ra của học phần	Mức độ đáp ứng	Nội dung chi tiết
CLO8	3	Học viên có năng lực làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, có năng lực học tập sáng tạo trong các môi trường khác nhau, tự chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm
CLO9	3	Học viên có khả năng nhận thức và tuân thủ những nguyên tắc liên quan đến đạo đức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp, tuân thủ những quy định của pháp luật và có trách nhiệm trong công việc.

## 4. TÓM TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN



Học phần cung cấp những khái niệm cơ bản về quản trị danh mục đầu tư, các lý thuyết hiện đại về danh mục đầu tư, các phương pháp định giá cổ phiếu và trái phiếu, cung cấp những kiến thức chuyên sâu về các phương pháp quản trị danh mục đầu tư và các thước đo đánh giá kết quả danh mục đầu tư.

## **5. NỘI DUNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

### **CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ DANH MỤC ĐẦU TƯ**

#### **1.1 Khái niệm đầu tư và các thước đo lợi suất và rủi ro**

1.1.1 Đo lường mức sinh lợi (lợi suất) của đầu tư trong quá khứ và tính mức sinh lời kỳ vọng

1.1.2 Đo lường rủi ro của lợi suất kỳ vọng

#### **1.2 Quy trình quản trị danh mục**

1.2.1 Tuyên bố chính sách

1.2.2 Các điều kiện chính trị, xã hội, kinh tế, tài chính, hiện tại và dự báo.

1.2.3 Thực hiện kế hoạch, xây dựng danh mục đầu tư

1.2.4 Đánh giá kết quả đầu tư

#### **1.3 Quyết định phân bổ tài sản**

1.3.1 Khái niệm, tầm quan trọng của phân bổ tài sản

1.3.2 Lợi suất và rủi ro của các loại tài sản khác nhau

1.3.3 Phân bổ tài sản và những khác biệt văn hóa.

### **CHƯƠNG 2. LÝ THUYẾT HIỆN ĐẠI VỀ DANH MỤC ĐẦU TƯ**

#### **2.1. Lý thuyết danh mục đầu tư Markowitz**

2.1.1. Một số giả định

2.1.2. Lợi suất dự tính và rủi ro của danh mục

2.1.3. Kết hợp các cổ phiếu thành danh mục

2.1.4. Đường giới hạn hiệu quả và độ thỏa dụng của nhà đầu tư

#### **2.2. Lý thuyết thị trường vốn**

2.2.1. Các giả định của lý thuyết thị trường vốn

2.2.2. Tài sản phi rủi ro và đường CML

2.2.3. Danh mục thị trường

2.2.4. CML và định lý về sự tách biệt

#### **2.3. Mô hình định giá tài sản vốn (CAPM): Lợi suất kỳ vọng và rủi ro**

2.3.1. Các giả định của mô hình

2.3.2. Những nội dung của mô hình

2.3.3. Đường SML

### **CHƯƠNG 3. PHÂN TÍCH VÀ ĐỊNH GIÁ CỔ PHIẾU**



- 3.1. Phân tích cơ bản: Khuôn khổ E-I-C**
  - 3.1.1. Phân tích nền kinh tế và cơ cấu
  - 3.1.2. Phân tích ngành
  - 3.1.3. Phân tích công ty – Phân tích báo cáo tài chính
  - 3.1.4. Các cách tiếp cận định giá cổ phiếu
- 3.2. Phân tích kỹ thuật**
  - 3.2.1. Những vấn đề chung về phân tích kỹ thuật
  - 3.2.2. Những quy tắc và chỉ báo trong phân tích kỹ thuật

## **CHƯƠNG 4. PHÂN TÍCH VÀ ĐỊNH GIÁ TRÁI PHIẾU**

- 4.1. Các mô hình định giá trái phiếu**
  - 4.1.1. Mô hình giá trị hiện tại
  - 4.1.2. Mô hình lợi suất
- 4.2. Các thước đo lợi suất đầu tư trái phiếu**
  - 4.2.1. Lợi suất đáo hạn hứa hẹn và lợi suất đáo hạn thực hiện
  - 4.2.2. Lợi suất mua lại hứa hẹn và lợi suất mua lại thực hiện
  - 4.2.3. Sử dụng lãi suất hiện hành để định giá trái phiếu
- 4.3. Độ nhạy cảm của giá trái phiếu với thay đổi lãi suất**
  - 4.3.1. Thời gian đáo hạn và vòng đáo hạn bình quân (Duration)
  - 4.3.2. Vòng đáo hạn bình quân và độ lồi (Convexity)

## **CHƯƠNG 5. QUẢN TRỊ DANH MỤC ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU VÀ CỔ PHIẾU**

- 5.1. Chiến lược quản trị danh mục trái phiếu**
  - 5.1.1. Chiến lược quản trị danh mục trái phiếu thụ động
  - 5.1.2. Chiến lược quản trị danh mục trái phiếu chủ động
- 5.2. Chiến lược quản trị danh mục cổ phiếu**
  - 5.2.1. Chiến lược quản trị danh mục cổ phiếu thụ động
  - 5.2.2. Chiến lược quản trị danh mục cổ phiếu chủ động
- 5.3. Quyền chọn và hợp đồng tương lai trong quản trị danh mục đầu tư**
  - 5.3.1. Sử dụng quyền chọn trong thiết kế và quản trị danh mục đầu tư
  - 5.3.2. Sử dụng hợp đồng tương lai trong thiết kế và quản trị danh mục đầu tư

## **CHƯƠNG 6. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CỦA DANH MỤC ĐẦU TƯ**

- 6.1. Các phương pháp thông dụng đánh giá danh mục đầu tư**
  - 6.1.1. Thước đo Treynor
  - 6.1.2. Thước đo Sharpe
  - 6.1.3. Thước đo Jensen
- 6.2. Phân tích đóng góp của các thành phần**



6.2.1. Các bộ phận hợp thành kết quả hoạt động của danh mục

6.2.2. Phân tích đóng góp của các hợp phần

## **6. HỌC LIỆU**

### **6.1. Học liệu bắt buộc**

- (1) Giáo trình: Investment Analyses and Portfolio Management (Frank K. Reilly và Keith C. Brown)
- (2) Giáo trình: Investment (Bodie – Kane – Marcus – McGraw-Hill)
- (3) Giáo trình: Đầu tư tài chính (Trần Thị Thái Hà, NXB ĐHQG năm 2005)

### **6.2. Học liệu tham khảo**

- (4) Wayne Gorman, Jeffrey Kennedy (2018), Hướng dẫn giao dịch theo sóng Elliott, NXB Thế giới.
- (5) Carolyn Boroden (2019), Fibonacci trading, NXB Thế giới.



## 7. HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC

### 7.1. Lịch trình chung

	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học		Tổng	Kiểm tra đánh giá
		Lý thuyết	BT và thảo luận		
1	Chương 1: Tổng quan về danh mục đầu tư	2	1		
2	Chương 2: Lý thuyết hiện đại về danh mục đầu tư	2	1		
3	Chương 2: Lý thuyết hiện đại về danh mục đầu tư (Tiếp)	2	1		
4	Chương 3: Phân tích và định giá cổ phiếu	3	0		Trực tuyến
5	Chương 3: Phân tích và định giá cổ phiếu (Tiếp)	2	1		Trực tuyến
6	Chương 3: Phân tích và định giá cổ phiếu (Tiếp)	2	1		Trực tuyến
7	Chương 4: Phân tích và định giá trái phiếu	3	0		
8	Chương 4: Phân tích và định giá trái phiếu (Tiếp)	2	1		
9	Kiểm tra & Thảo luận	0	3		Trực tuyến
10	Chương 5: Quản trị danh mục đầu tư trái phiếu và cổ phiếu	2	1		
11	Chương 5: Quản trị danh mục đầu tư trái phiếu và cổ phiếu (Tiếp)	2	1		
12	Chương 5: Quản trị danh mục đầu tư trái phiếu và cổ phiếu (Tiếp)	2	1		
13	Chương 6: Đánh giá kết quả của danh mục đầu tư	2	1		
14	Chương 6: Đánh giá kết quả của danh mục đầu tư (Tiếp)	2	1		
15	Chương 6: Đánh giá kết quả của danh mục đầu tư (Tiếp)	2	1		
	<b>Tổng</b>	<b>30</b>	<b>15</b>		

### 7.2. Lịch trình chi tiết



<b>Tuần 1: Chương 1. Tổng quan về danh mục đầu tư</b>					
Hình thức tổ chức dạy học	Thời gian/ Địa điểm	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng HV cần đạt được	Ghi chú
Lý thuyết: 2 giờ tín chỉ	Giảng đường	1. Khái niệm đầu tư, đo lường lợi suất và rủi ro. 2. Quy trình quản trị danh mục đầu tư. 3. Quyết định phân bổ tài sản	- Đọc chương 1, HL1. - Đọc chương 2, HL1.	- CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9.	
Thảo luận/ bài tập: 1 giờ tín chỉ	Giảng đường	4. Làm bài tập			
<b>Tuần 2: Chương 2. Lý thuyết hiện đại về danh mục đầu tư</b>					
Hình thức tổ chức dạy học	Thời gian/ Địa điểm	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng HV cần đạt được	Ghi chú
Lý thuyết: 2 giờ tín chỉ	Giảng đường	1. Lý thuyết Markowitz 2. Lý thuyết thị trường vốn	- Đọc chương 7, HL1 và Chương 5, HL3.	- CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9.	
Thảo luận/ bài tập: 1 giờ tín chỉ	Giảng đường	3. Làm bài tập			
<b>Tuần 3: Chương 2. Lý thuyết hiện đại về danh mục đầu tư (Tiếp)</b>					
Hình thức tổ chức dạy học	Thời gian/ Địa điểm	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng HV cần đạt được	Ghi chú
Lý thuyết: 2 giờ tín chỉ	Giảng đường	1. CAPM – Lợi suất dự tính và rủi ro 2. Nói lòng các giả định	- Đọc chương 8, HL1 và mục 6.1; 6.2	- CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9.	
Thảo luận/ bài tập	Giảng	3. Trả lời các câu hỏi từ 1-12; làm các bài tập 1,	6, 6.2		



tập: 1 giờ tín chỉ	đường	2, 3, 11, 12, 14, 15. Ch.8HL1	HL3.		
<b>Tuần 4: Chương 3. Phân tích và định giá cổ phiếu</b>					
Hình thức tổ chức dạy học	Thời gian/ Địa điểm	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng HV cần đạt được	Ghi chú
Lý thuyết 3 giờ tín chỉ	Trực tuyến	1. Chu kỳ kinh doanh 2. Các biến số tiền tệ, nền kinh tế và giá cổ phiếu 3. Các nội dung của phân tích ngành	- Đọc chương 10, 12 và 14, HL1	- CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9.	
Thảo luận/ bài tập: 0 giờ tín chỉ					
<b>Tuần 5: Chương 3. Phân tích và định giá cổ phiếu (Tiếp)</b>					
Hình thức tổ chức dạy học	Thời gian/ Địa điểm	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng HV cần đạt được	Ghi chú
Lý thuyết: 2 giờ tín chỉ	Trực tuyến	1. Các mô hình định giá cổ phiếu theo cách tiếp cận DCF. (FCFF, FCFE, DDM) 2. Cách tiếp cận định giá tương đối: P/E	- Đọc chương 15, HL1	- CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9.	
Thảo luận/ bài tập: 1 giờ tín chỉ	Trực tuyến	3. Học viên làm bài tập.			
<b>Tuần 6: Chương 3. Phân tích và định giá cổ phiếu (Tiếp)</b>					
Hình thức tổ chức dạy học	Thời gian/ Địa điểm	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng HV cần đạt được	Ghi chú
Lý thuyết: 2 giờ	Trực tuyến	1. Các giả định của phân tích kỹ thuật.	- Đọc chương 16,	- CLO1, CLO2, CLO3,	



tín chỉ		2. Những lợi thế và khó khăn của phân tích kỹ thuật so với phân tích cơ bản 3. Những quy tắc và chỉ báo trong phân tích kỹ thuật	HL1	CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9.	
Thảo luận/ bài tập: 1 giờ tín chỉ	Trực tuyến	4. Làm bài tập cuối Ch.16 HL1			

#### Tuần 7: Chương 4. Phân tích và định giá trái phiếu

Hình thức tổ chức dạy học	Thời gian/ Địa điểm	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng HV cần đạt được	Ghi chú
Lý thuyết: 2 giờ tín chỉ	Giảng đường	1. Các khái niệm – Phương pháp định giá tổng quát 2. Cấu trúc kỳ hạn của lãi suất và những hàm ý đối với định giá trái phiếu.	- Đọc Ch.19 HL1, trang 730-777 - Đọc thêm Ch.8 HL3.	- CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9.	
Thảo luận/ bài tập: 1 giờ tín chỉ	Giảng đường	3. Trả lời các câu hỏi: 1-10; 13, 14, 19 Ch19.HL1. 4. Bài tập 1-8, 15, Ch.19 HL1.			

#### Tuần 8: Chương 4. Phân tích và định giá trái phiếu (Tiếp)

Hình thức tổ chức dạy học	Thời gian/ Địa điểm	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng HV cần đạt được	Ghi chú
Lý thuyết: 2 giờ tín chỉ	Giảng đường	1. Độ nhạy cảm của giá trái phiếu với thay đổi lãi suất 2. Tính lợi suất đầu tư trái phiếu	- Đọc Ch.19 HL1, trang 730-777. - Đọc thêm Ch.8	- CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9.	



Thảo luận/ bài tập: 1 giờ tín chỉ	Giảng đường	3. Bài tập 17, 18, 20; Ch.19 HL1 4. Kiểm tra giữa kỳ	HL3.		
<b>Tuần 9: Kiểm tra &amp; Thảo luận</b>					
Hình thức tổ chức dạy học	Thời gian/ Địa điểm	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng HV cần đạt được	Ghi chú
Lý thuyết: 0 giờ tín chỉ			-	- CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9.	
Thảo luận/ bài tập: 3 giờ tín chỉ	Trực tuyến	1. Kiểm tra giữa kỳ 2. Thảo luận các nội dung về định giá cổ phiếu và trái phiếu			
<b>Tuần 10: Chương 5. Quản trị danh mục đầu tư trái phiếu và cổ phiếu</b>					
Hình thức tổ chức dạy học	Thời gian/ Địa điểm	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng HV cần đạt được	Ghi chú
Lý thuyết: 2 giờ tín chỉ	Giảng đường	1. Chiến lược quản trị danh mục trái phiếu	- Đọc chương 19, HL1	- CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9.	
Thảo luận/ bài tập: 1 giờ tín chỉ	Giảng đường	2. Thảo luận	-		
<b>Tuần 11: Chương 5. Quản trị danh mục đầu tư trái phiếu và cổ phiếu (Tiếp)</b>					
Hình thức tổ chức dạy học	Thời gian/ Địa điểm	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng HV cần đạt được	Ghi chú
Lý thuyết: 2 giờ	Giảng	1. Chiến lược quản trị danh mục cổ phiếu (Chiế	- Đọc chương 13	- CLO1, CLO2, CLO3,	



tín chỉ	đường	lược thụ động và chiến lược chủ động)	và 14, HL1.	CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9.	
Thảo luận/ bài tập: 1 giờ tín chỉ	Giảng đường	2. Thảo luận			
<b>Tuần 12: Chương 5. Các chiến lược quản trị danh mục cổ phiếu (Tiếp)</b>					
Hình thức tổ chức dạy học	Thời gian/ Địa điểm	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng HV cần đạt được	Ghi chú
Lý thuyết: 2 giờ tín chỉ	Giảng đường	1. Giới thiệu quyền chọn và HĐTL trong quản trị danh mục đầu tư	- Đọc chương 17, HL1.	- CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9.	
Thảo luận/ bài tập: 1 giờ tín chỉ	Giảng đường	2. Thảo luận			
<b>Tuần 13: Chương 6. Đánh giá hoạt động của danh mục đầu tư cổ phiếu</b>					
Hình thức tổ chức dạy học	Thời gian/ Địa điểm	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng HV cần đạt được	Ghi chú
Lý thuyết: 2 giờ tín chỉ	Giảng đường	1. Các phương pháp đánh giá kết quả danh mục đầu tư.	- Đọc chương 26, HL1.	- CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9.	
Thảo luận/ bài tập: 1 giờ tín chỉ	Giảng đường	2. Thảo luận			
<b>Tuần 14: Chương 6. Đánh giá hoạt động của danh mục đầu tư cổ phiếu (Tiếp)</b>					
Hình thức tổ chức dạy học	Thời gian/ Địa điểm	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng HV cần đạt được	Ghi chú
Lý thuyết: 2 giờ	Giảng	1. Các bộ phận hợp thành kết quả hoạt động của	- Đọc chương 26,	- CLO1, CLO2, CLO3,	



tín chỉ	đường	danh mục.	HL1.	CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9.	
Thảo luận/ bài tập: 1 giờ tín chỉ	Giảng đường	2. Thảo luận			
<b>Tuần 15: Chương 6. Đánh giá hoạt động của danh mục đầu tư cổ phiếu (Tiếp)</b>					
Hình thức tổ chức dạy học	Thời gian/ Địa điểm	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng HV cần đạt được	Ghi chú
Lý thuyết: 2 giờ tín chỉ	Giảng đường	1. Các bộ phận hợp thành kết quả hoạt động của danh mục.	- Đọc chương 26, HL1.	- CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9.	
Thảo luận/ bài tập: 1 giờ tín chỉ	Giảng đường	2. Thảo luận			



## 8. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

STT	Mã hóa	Nhóm phương pháp dạy và học	Mô tả chi tiết
<b>I. Phương pháp giảng dạy trực tiếp</b>			
1	PP1	Giải thích cụ thể	Giảng viên sẽ hướng dẫn và giải thích các khía cạnh của nội dung bài học, giúp HV đạt được các kiến thức và kỹ năng.
2	PP2	Thuyết giảng	Giảng viên sẽ trình bày các chi tiết của bài giảng và HV có trách nhiệm nghe và ghi lại các điều cần thiết để đạt được kiến thức.
<b>II. Phương pháp giảng dạy và học tập kích não (Dạy học gián tiếp)</b>			
3	PP3	Giải quyết vấn đề	HV phải dùng tư duy sâu và logic để nhìn nhận và giải quyết các vướng mắc giữa tình hình hiện tại và mục tiêu mong muốn, qua đó, học được các kiến thức mới trong khi đối mặt và giải quyết vấn đề.
4	PP4	Học theo tình huống	Giảng viên thiết kế các nhiệm vụ dựa trên các tình huống, yêu cầu HV giải quyết, qua đó giúp sinh viên hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định cũng như kỹ năng nghiên cứu.
<b>III. Phương pháp giảng dạy tương tác</b>			
5	PP5	Thảo luận	HV được chia thành các nhóm và đưa ý kiến về vấn đề giảng viên đã đưa ra từ trước. Phương pháp này giúp cho HV phân tích các định nghĩa, ý tưởng, dữ liệu về chủ đề và bàn luận với thầy/cô, qua đó có thể liên kết các ý tưởng và làm rõ vấn đề.
6	PP6	Học nhóm	HV được chia thành những nhóm nhỏ để giải quyết vấn đề được cho, và trình bày kết quả bằng báo cáo hoặc thuyết trình.
<b>IV. Phương pháp giảng dạy độc lập</b>			
7	PP7	Bài tập	HV được yêu cầu phải hoàn thành các bài tập của giảng viên tại nhà.
8	PP8	Đọc và nghiên	Phương pháp này phát triển khả năng tự học của HV để chuẩn bị bài trước mỗi buổi học và ôn tập



STT	Mã hóa	Nhóm phương pháp dạy và học	Mô tả chi tiết
		cứu tài liệu	bài sau buổi học.

## 9. PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

### 9.1. Hình thức và trọng số kiểm tra – đánh giá

Hình thức đánh giá (1)	Nội dung đánh giá (2)	Đáp ứng chuẩn đầu ra học phần (3)	Trọng số (4)
Chuyên cần	Kiểm tra sự chuyên cần của HV	CLO5, CLO8	5%
Bài tập	Kiểm tra HV về mức độ hiểu bài và áp dụng lý thuyết vào giải bài tập và đưa ra các phương án cho các tình huống cụ thể.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO7, CLO8, CLO9.	10%
Hoạt động nhóm	HV sẽ được giao các chủ đề hay bài tập tình huống và được yêu cầu trình bày hay giải quyết tình huống cụ thể.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9.	10%
Kiểm tra giữa kỳ	Kiểm tra mức độ hiểu bài, kỹ năng giải quyết vấn đề của HV	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO7, CLO8, CLO9.	15%
Thi cuối kỳ	Kiểm tra mức độ hiểu bài, kỹ năng giải quyết vấn đề của HV	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO7, CLO8, CLO9.	60%
			100%

### 9.2. Tiêu chí đánh giá các loại bài tập và kiểm tra đánh giá

#### 9.2.1. Chuyên cần: 5%

- Tiêu chí đánh giá:

Điểm	Tiêu chí
9-10	Tham gia từ 14 đến 15 buổi học
7-dưới 9	Tham gia từ 10 đến 13 buổi học
5-dưới 7	Tham gia từ 7 đến 9 buổi học
Dưới 5	Tham gia dưới 7 buổi học



### 9.2.2. Bài tập: 10%

- Có 02 bài kiểm tra cá nhân.
- Tiêu chí đánh giá:

Điểm	Tiêu chí
9-10	Đạt đủ 8 chuẩn đầu ra, bao gồm: CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO7, CLO8, CLO9.
7-dưới 9	Đạt đủ 6 chuẩn đầu ra, bao gồm: CLO1, CLO2, CLO5, CLO7, CLO8, CLO9 và 1 một chuẩn đầu ra CLO3.
5-dưới 7	Đạt đủ 6 chuẩn đầu ra, bao gồm: CLO1, CLO2, CLO5, CLO7, CLO8, CLO9.
Dưới 5	Không đạt đủ 6 chuẩn đầu ra, bao gồm: CLO1, CLO2, CLO5, CLO7, CLO8, CLO9.

### 9.2.3. Hoạt động nhóm: 10%

- Tiêu chí đánh giá bao gồm:

Điểm	Tiêu chí
9-10	Đạt đủ 8 chuẩn đầu ra, bao gồm: CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9.
7-dưới 9	Đạt đủ 6 chuẩn đầu ra, bao gồm: CLO1, CLO2, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9 và 1 một chuẩn đầu ra CLO3.
5-dưới 7	Đạt đủ 6 chuẩn đầu ra, bao gồm: CLO1, CLO2, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9.
Dưới 5	Không đạt đủ 6 chuẩn đầu ra, bao gồm: CLO1, CLO2, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9.

### 9.2.4. Kiểm tra giữa kỳ: 15%

- Được thực hiện vào tuần 9.
- Nội dung kiểm tra bao gồm các chương từ 1 tới 4.
- Tiêu chí đánh giá bao gồm:

Điểm	Tiêu chí
9-10	Đạt đủ 8 chuẩn đầu ra, bao gồm: CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO7, CLO8, CLO9.
7-dưới 9	Đạt đủ 6 chuẩn đầu ra, bao gồm: CLO1, CLO2, CLO5, CLO7, CLO8, CLO9 và 1 một chuẩn đầu ra CLO3.
5-dưới 7	Đạt đủ 6 chuẩn đầu ra, bao gồm: CLO1, CLO2, CLO5, CLO7, CLO8, CLO9.
Dưới 5	Không đạt đủ 6 chuẩn đầu ra, bao gồm: CLO1, CLO2, CLO5, CLO7, CLO8, CLO9.



### 9.2.5. Thi hết học phần: 60%

- Bài thi cuối kỳ được thực hiện theo trọng số nội dung và cấu trúc thi.
- Tiêu chí đánh giá:

Điểm	Tiêu chí
9-10	Đạt đủ 8 chuẩn đầu ra, bao gồm: CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO7, CLO8, CLO9.
7-dưới 9	Đạt đủ 6 chuẩn đầu ra, bao gồm: CLO1, CLO2, CLO5, CLO7, CLO8, CLO9 và 1 một chuẩn đầu ra CLO3.
5-dưới 7	Đạt đủ 6 chuẩn đầu ra, bao gồm: CLO1, CLO2, CLO5, CLO7, CLO8, CLO9.
Dưới 5	Không đạt đủ 6 chuẩn đầu ra, bao gồm: CLO1, CLO2, CLO5, CLO7, CLO8, CLO9.

- Lịch thi cuối kỳ theo lịch của Phòng Đào tạo.

### 9.3. Lịch thi, kiểm tra

- Bài tập cá nhân được giao theo lịch
- Bài kiểm tra giữa kỳ: Tuần 8
- Lịch thi cuối kỳ theo lịch của Phòng Đào tạo

Giảng viên

TS. Nguyễn Thị  
Nhung

Chủ nhiệm Bộ  
môn

TS. Nguyễn Thị  
Nhung

Ban chủ nhiệm  
Khoa

PGS.TS. Nguyễn  
Văn Hiệu

Hiệu trưởng



PGS.TS. Lê Trung  
Thành



## BẢN ĐẶC TẢ HỌC PHẦN

1. Tên học phần: QUẢN TRỊ DANH MỤC ĐẦU TƯ
2. Mã học phần: FIB6059
3. Bậc đào tạo: Thạc sĩ
4. Số tín chỉ: 03
5. Học phần bắt buộc/tự chọn: Học phần bắt buộc
6. Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Đầu tư Tài chính, Phòng 712, nhà E4, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội
7. Mục tiêu học phần:

Học phần có mục tiêu cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về quản trị danh mục đầu tư, các lý thuyết hiện đại về danh mục đầu tư, các phương pháp định giá cổ phiếu và trái phiếu. Từ đó, học viên có những hiểu biết, có khả năng so sánh, phân tích các phương pháp quản trị danh mục đầu tư và các thước đo đánh giá kết quả danh mục đầu tư. Bên cạnh đó, học viên còn được trang bị thêm các kỹ năng cá nhân, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng chịu trách nhiệm, kỹ năng giao tiếp, và khả năng tuân thủ các quy định liên quan đến đạo đức nghề nghiệp.

### 8. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp những khái niệm cơ bản về quản trị danh mục đầu tư, các lý thuyết hiện đại về danh mục đầu tư, các phương pháp định giá cổ phiếu và trái phiếu, cung cấp những kiến thức chuyên sâu về các phương pháp quản trị danh mục đầu tư và các thước đo đánh giá kết quả danh mục đầu tư.

9. Số giờ giảng dạy trên lớp/tuần: Theo lịch học của Trường thông báo cho các lớp cao học

### 10. Phương pháp giảng dạy

STT	Mã hóa	Nhóm phương pháp dạy và học	Mô tả chi tiết
<b>I. Phương pháp giảng dạy trực tiếp</b>			
1	PP1	Giải thích cụ thể	Giảng viên sẽ hướng dẫn và giải thích các khía cạnh của nội dung bài học, giúp HV đạt được các kiến thức và kỹ năng
2	PP2	Thuyết giảng	Giảng viên sẽ trình bày các chi tiết của bài giảng và HV có trách nhiệm nghe và ghi lại các điều



STT	Mã hóa	Nhóm phương pháp dạy và học	Mô tả chi tiết
			cần thiết để đạt được kiến thức
<b>II. Phương pháp giảng dạy và học tập kích não (Dạy học gián tiếp)</b>			
3	PP3	Giải quyết vấn đề	HV phải dùng tư duy sâu và logic để nhìn nhận và giải quyết các vướng mắc giữa tình hình hiện tại và mục tiêu mong muốn, qua đó, học được các kiến thức mới trong khi đối mặt và giải quyết vấn đề
4	PP4	Học theo tình huống	Giảng viên thiết kế các nhiệm vụ dựa trên các tình huống, yêu cầu HV giải quyết, qua đó giúp sinh viên hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định cũng như kỹ năng nghiên cứu
<b>III. Phương pháp giảng dạy tương tác</b>			
5	PP5	Thảo luận	HV được chia thành các nhóm và đưa ý kiến về vấn đề giảng viên đã đưa ra từ trước. Phương pháp này giúp cho HV phân tích các định nghĩa, ý tưởng, dữ liệu về chủ đề và bàn luận với thầy/cô, qua đó có thể liên kết các ý tưởng và làm rõ vấn đề.
6	PP6	Học nhóm	HV được chia thành những nhóm nhỏ để giải quyết vấn đề được cho, và trình bày kết quả bằng báo cáo hoặc thuyết trình
<b>IV. Phương pháp giảng dạy độc lập</b>			
7	PP7	Bài tập	HV được yêu cầu phải hoàn thành các bài tập của giảng viên tại nhà
8	PP8	Đọc và nghiên cứu tài liệu	Phương pháp này phát triển khả năng tự học của HV để chuẩn bị bài trước mỗi buổi học và ôn tập bài sau buổi học.

11. **Phương pháp kiểm tra đánh giá:** hình thức kiểm tra bán trắc nghiệm, kết hợp thuyết trình và xử lý tình huống cụ thể.

12. **Giáo trình bắt buộc (tác giả, tên sách, năm xuất bản):**



- (1) Giáo trình: Investment Analyses and Portfolio Management (Frank K. Reilly và Keith C. Brown)
- (2) Giáo trình: Investment (Bodie – Kane – Marcus – McGraw-Hill)
- (3) Giáo trình: Đầu tư tài chính (Trần Thị Thái Hà, NXB ĐHQG năm 2005)

**CHỦ NHIỆM BỘ MÔN**



**TS. Nguyễn Thị Nhung**

**CHỦ NHIỆM KHOA**



**PGS.TS. Nguyễn Văn Hiệu**



**BÀI TẬP TÌNH HUỐNG SỐ 1**  
**Môn học: Quản trị danh mục đầu tư**

\*\*\*\*\*

Gần đây, bạn mới bổ nhiệm giám đốc đầu tư mới cho một tổ chức từ thiện chính. Nguồn quỹ cấp vốn rất lớn của tổ chức này hiện tại đang đầu tư vào một danh mục đầu tư được đa dạng hóa với cổ phiếu (60%) và trái phiếu (40%). Hội đồng quản trị của tổ chức là nhóm những người không có vốn kiến thức về lý thuyết và thực tiễn đầu tư hiện đại thực sự chuyên sâu. Bạn quyết định tổ chức một cuộc thảo luận về các nguyên tắc đầu tư cơ bản sẽ có thực sự hữu ích cho mọi người.

1. Giải thích các khái niệm rủi ro riêng biệt, rủi ro hệ thống, phương sai, hiệp phương sai, độ lệch chuẩn, và hệ số beta có liên quan đến quản trị đầu tư.

Bạn tin rằng việc bổ sung các loại tài sản cho danh mục đầu tư cấp vốn sẽ cải thiện danh mục đầu tư nhờ giảm bớt rủi ro và tăng thêm lợi nhuận. Bạn nhận thấy rằng tình hình suy thoái ở thị trường bất động sản US đang là cơ hội cho việc mua rẻ tài sản với mức lợi nhuận kỳ vọng sẽ cao bất thường so với trước đây. Bạn tin rằng đây là sự đầu tư thích đáng và đúng thời điểm, do vậy đã quyết định đề xuất 20% vốn đầu tư cho cổ phiếu và trái phiếu để chuyển sang khoản đầu tư vào bất động sản này.

Dựa trên thảo luận sơ bộ ở trên, một số thành viên trong hội đồng quản trị cho rằng việc đưa BĐS và danh mục là quá rủi ro. Tuy nhiên, chủ tịch hội đồng quản trị lại có kế hoạch cho một cuộc họp đặc biệt để thảo luận sâu hơn về vấn đề này, và đề nghị bạn cung cấp thông tin nền tảng nhằm làm rõ hơn vấn đề rủi ro có thể gặp phải.

Các thông tin kỳ vọng dưới đây sẽ giúp bạn làm sáng tỏ vấn đề:

Thông tin			Ma trận tương quan			
Loại tài sản	Lợi nhuận (%)	Độ lệch chuẩn (%)	Cổ phiếu US	Trái phiếu US	Bất động sản US	Trái phiếu CP T-bills
Cổ phiếu US	12	21	1,00			
Trái phiếu US	8	10,5	0,14	1,00		
Bất động sản US	12	9	-0,04	-0,03	1,00	



Thông tin			Ma trận tương quan			
Loại tài sản	Lợi nhuận (%)	Độ lệch chuẩn (%)	Cổ phiếu US	Trái phiếu US	Bất động sản US	Trái phiếu CP T-bills
Trái phiếu CP T-bills	4	0	-0,05	-0,03	0,25	1,00

2. Giải thích việc bổ sung bất động sản US tác động như thế nào đến rủi ro và lợi nhuận của cả 2 danh mục đầu tư trước và sau khi có BDS US. Trong câu trả lời bao gồm 2 lý do cho sự thay đổi mà bạn kỳ vọng vào rủi ro danh mục đầu tư. (Lưu ý: không cần thiết phải tính rủi ro và lợi nhuận kỳ vọng).

3. Với vốn kiến thức về lý thuyết thị trường vốn khiến bạn nghi ngờ về giá trị của lợi nhuận và rủi ro kỳ vọng cho bất động sản US. Hãy chứng minh nghi ngờ đó là đúng.



**BÀI TẬP TÌNH HUỐNG SỐ 2**  
**Môn học: Quản trị danh mục đầu tư**  
\*\*\*\*\*

Giả sử Lohrmanns chỉ có thể đầu tư vào hai tài sản rủi ro, A và B. Lợi nhuận kỳ vọng và độ lệch chuẩn cho tài sản A lần lượt là 20% và 50%, và lợi nhuận kỳ vọng và độ lệch chuẩn cho tài sản B lần lượt là 15% và 33%. Hai tài sản này không tương quan với nhau.

1. Tính toán lợi nhuận trung bình kỳ vọng và rủi ro (độ lệch chuẩn) của tổ hợp đầu tư nếu nhà đầu tư đầu tư 10% vào A và 90% còn lại vào B.
2. Tính lợi nhuận và rủi ro của danh mục bằng cách giả sử một khoản đầu tư  $W_A$  vào Tài sản A và một khoản đầu tư  $(1 - W_A)$  vào Tài sản B.
3. Giả sử có thêm một tài sản phi rủi ro với lợi suất là 3%. Viết một phương trình cho đường phân bổ vốn (capital allocation line) dưới dạng  $W_A$  để gán tài sản phi rủi ro với danh mục các tài sản rủi ro.
4. Độ dốc của đường phân bổ vốn được tối đa hóa khi trọng số đầu tư vào Tài sản A là 38,20%. Phương trình nào cho đường phân bổ vốn sử dụng  $W_A$  là 38,20%?
5. Sau khi đã tạo được đường phân bổ vốn, chúng ta quay lại với ví dụ của gia đình Lohrmann. Hãy tính độ lệch chuẩn của một danh mục đầu tư trên đường phân bổ vốn, mang lại mức lợi nhuận là 20%? So sánh danh mục đầu tư này với tài sản A.
6. Tính rủi ro danh mục khi lợi nhuận lần lượt là 3%, 9%, 15% và 20%.
7. Giá trị hữu dụng mà gia đình Lohrmanns đạt được từ một danh mục đầu tư có tỷ suất lợi nhuận lần lượt là 3%, 9%, 15% và 20% là bao nhiêu? Biết rằng hệ số sợ rủi ro của Lohrmanns là 2.5.



**BÀI TẬP TÌNH HUỐNG SỐ 1**  
**Môn học: Quản lý danh mục đầu tư**  
\*\*\*\*\*

Nhiệm vụ của bạn là tính toán hiệu suất đầu tư của Quỹ Walbright trong năm 2014. Các thông tin như sau:

- Vào ngày 1 tháng 1 năm 2014, Quỹ Walbright có giá trị thị trường là 100 triệu đô la.
- Trong thời gian từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 4 năm 2014, các cổ phiếu trong quỹ tăng giá vốn 10 triệu đô la.
- Vào ngày 1 tháng 5 năm 2014, các cổ phiếu trong quỹ đã trả tổng cộng 2 triệu đô la tiền cổ tức. Tất cả tiền cổ tức đã được tái đầu tư vào cổ phiếu thêm.
- Do hiệu suất của quỹ đã rất tốt, các tổ chức đã đầu tư thêm 20 triệu đô la vào Walbright vào ngày 1 tháng 5 năm 2014, nâng tổng tài sản quản lý lên 132 triệu đô la ( $\$100 + \$10 + \$2 + \$20$ ).
- Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, Walbright nhận được tổng cộng 2,64 triệu đô la tiền cổ tức. Giá trị thị trường của quỹ vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, không bao gồm 2,64 triệu đô la tiền cổ tức, là 140 triệu đô la.
- Quỹ không thực hiện bất kỳ khoản thanh toán tiền mặt trung gian nào trong năm 2014.

Dựa trên thông tin đã cho, hãy giải quyết các câu hỏi sau đây.

1. Tính tỷ lệ sinh lời theo thời gian của Quỹ Walbright.
2. Tính tỷ lệ sinh lời theo tiền của Quỹ Walbright.
3. Giải thích sự khác biệt giữa tỷ lệ sinh lời theo thời gian và tỷ lệ sinh lời theo tiền của Quỹ Walbright.



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ  
Khoa/Viện: Tài chính ngân hàng

**BẢNG TRỌNG SỐ NỘI DUNG HỌC PHẦN**

Tên học phần: **Quản trị danh mục đầu tư**

Mã học phần: **FIB6059**

Số tín chỉ: **03**

Thời gian làm bài: **90 phút**

TT	Nội dung	%	Cấp độ 1 (%) (Tái hiện - Biết)	Cấp độ 2 (%) (Tái tạo - Hiểu và Áp dụng)	Cấp độ 3 (%) (Lập luận - Phân tích và đánh giá)	Cấp độ 4 (%) (Sáng tạo)
1	Nội dung 1: Tổng quan về danh mục đầu tư và các lý thuyết (Chương 1 & Chương 2)	20	12	8	-	-
2	Nội dung 2: Phân tích và định giá cổ phiếu và trái phiếu (Chương 3 & Chương 4)	28	4	14	10	-
3	Nội dung 3: Quản trị danh mục đầu tư trái phiếu và cổ phiếu (Chương 5)	26	2	4	10	<b>10.00</b>
4	Nội dung 4: Đánh giá kết quả của danh mục đầu tư (Chương 6)	26	2	14	10	-
	<b>Tổng</b>	<b>100</b>	<b>20</b>	<b>40</b>	<b>30</b>	<b>10</b>

Ghi chú:

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ**  
**Khoa/Viện: Tài chính ngân hàng**

**CẤU TRÚC ĐỀ THI HỌC PHẦN**

Tên học phần: Quản trị danh mục đầu tư

Mã học phần: FIB6059

Số tín chỉ: 03

Thời gian làm bài: 90

Mục tiêu kiểm tra/đánh giá: Đánh giá khả năng tái hiện, khả năng tái tạo và khả năng lập luận

Nội dung	%	Cấp độ 1						Cấp độ 2						Cấp độ 3						Cấp độ 4					
		(Tái hiện-Biết)						(Tái tạo-Hiểu+Áp dụng)						(Lập luận-Phân tích và đánh giá)						(Sáng tạo)					
		Trắc nghiệm			Tự luận			Trắc nghiệm			Tự luận			Trắc nghiệm			Tự luận			Trắc nghiệm			Tự luận		
		SL	TG	Đ	SL	TG	Đ	SL	TG	Đ	SL	TG	Đ	SL	TG	Đ	SL	TG	Đ	SL	TG	Đ	SL	TG	Đ
Nội dung 1	20	6	1	2				2	2	4															
Nội dung 2	28	2	1	2				1	2	4	0.5	20	20				0.5	25	20						
Nội dung 3	26	1	1	2				1	2	4							0.5	25	20				0.5	25	20
Nội dung 4	26	1	1	2				1	2	4	0.5	20	20				0.5	25	20						
<b>Tổng</b>	<b>100</b>	<b>10</b>	<b>10</b>	<b>20</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>5</b>	<b>10</b>	<b>20</b>	<b>1</b>	<b>20</b>	<b>20</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1.5</b>	<b>37.5</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0.5</b>	<b>12.5</b>	<b>10</b>
%	100%	20						40						30						10					
Thời gian	90.00	10						30						37.5						12.5					

**Ghi chú:**

- Thang điểm 100
- Đề thi học phần Các công cụ có thu nhập cố định nâng cao gồm 4 nội dung với 3 câu hỏi tự luận/bài tập và 15 câu hỏi trắc nghiệm
  - Nội dung 1: Có 06 câu hỏi trắc nghiệm cấp độ 1, 02 câu hỏi trắc nghiệm cấp độ 2.
  - Nội dung 2: Có 02 câu hỏi trắc nghiệm cấp độ 1, 01 câu hỏi trắc nghiệm cấp độ 2, và 01 câu hỏi tự luận gồm hai ý hỏi về các kiến thức cấp độ 2 và cấp độ 3.
  - Nội dung 3: Có 01 câu hỏi trắc nghiệm cấp độ 1, 01 câu hỏi trắc nghiệm cấp độ 2, và 01 câu hỏi tự luận gồm 2 ý hỏi về các kiến thức cấp độ 3 và cấp độ 4.
  - Nội dung 4: Có 01 câu hỏi trắc nghiệm cấp độ 1, 01 câu hỏi trắc nghiệm cấp độ 2, , và 01 câu hỏi tự luận gồm hai ý hỏi về các kiến thức cấp độ 2 và cấp độ 3.

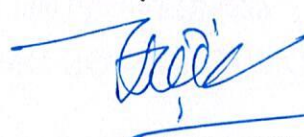
Hà Nội, ngày.... tháng.... năm 20....

Giảng viên thiết kế/Bộ môn



TS. Nguyễn Thị Nhung

Chủ nhiệm Khoa



PGS.TS. Nguyễn Văn Hiệu

Trung tâm Đảm bảo chất lượng giáo dục



Đào Thị Thanh Huyền